

# NGƯỜI MỸ CHUNG TÌNH



TRẦN BANG THẠCH

Gặp một người Mỹ chung tình trong cái xã hội văn minh, tiến bộ, giàu vật chất này thì khó quá phải không? Vậy mà tôi đã gặp một người. Có thể nói là tôi đã "sống" với ông hơn mười năm nay, thời gian chắc đã đủ để xác nhận ông là người Mỹ chung tình. Tôi đã muốn viết về ông từ lâu, nhưng tôi muốn chờ thêm, vừa để có thêm thời gian thử thách cái chung tình của ông, vừa để chờ một kết cục có hậu cho câu chuyện. Đến nay thì tôi không thể chờ thêm được nữa. Bài viết phải hoàn tất để đọc cho ông nghe trước khi ông hoàn toàn mất trí.

Khi tôi sang tiệm rượu tại khu thương mại này thì ông là khách hàng đầu tiên của tôi. Hôm đó ông tự động đi đến góc trái, phía trong cùng của tiệm, mở nắp thùng bia ướp lạnh, lấy lon bia đầu bò 18 oz. đem đến quầy tính tiền, không cần hỏi giá, ông đưa ngay cho tôi 1 đồng tám mươi chín xu, đa số là các đồng 25 xu; và với một cử chỉ rất thành thạo, không cần nhìn, ông vói tay lấy bịch giấy để nơi học tử phía dưới quầy tính tiền; bịch giấy lớn vừa đủ cho ông gói kín lon bia, bỏ vào túi áo bành tô mang ra khỏi tiệm. Hôm đó tôi nhớ ông cúi đầu chào tôi và nhà tôi rất là lịch sự, hình như có một chút mỉm cười. Còn tôi thì trong lúc ngỡ ngàng trước các hành động có vẻ quen thuộc của ông đối với cửa tiệm này nên không có với ông một lời nào, không có cả cái gật đầu đáp lễ.

Tôi không biết khu thương mại Á đông mọc lên tại vùng cực bắc Atlanta này từ bao giờ. Người ta nói ông Mỹ này có mặt từ những ngày đầu. Người ta chú ý đến ông vì ông là người Mỹ lạc loài trong số khách Á Đông tới lui khu thương mại không mấy sầm uất này. Ông là người không nhà, một homeless, sống bằng các đồng tiền lẻ của người qua đường. Tôi thì chú ý đến ông không phải vì ông là khách hàng quen thuộc, mà trước hết là vì hai tấm giấy cứng luôn luôn có mặt với ông nơi ngã tư xa lộ 145 và Cordell. Một tấm lớn vừa đủ cho ông viết ngoằn ngoèo mấy chữ: *Want a beer. Why lie.* Đại khái có nghĩa là: Chã cần phải giấu diếm gì cả, tớ đang thèm bia đây, cho tí tiền lẻ nhậu chơi! Xin tiền mà nói huých toẹt như vậy thì thật là hết chỗ nói! Chấm com bó tay! Tấm bảng này có những thuận lợi và bất lợi. Người thích nói thật, những ai gọi là cấp tiến, thì biết tổng là tiền ông có được chỉ đi vào cái mục rượu, thuốc; thấy ông chịu chơi vì đã nói thật nên cho ông nhiều tiền; không như những homeless khác cứ vợ đau con yếu, vv... Người bảo thủ hay đạo đức thì chẳng muốn nhìn tới cái mặt của ông: đói meo, không lo ăn mà chỉ có say với sưa, chè với chén! Tấm bảng kia nhỏ hơn, máng trên cổ, thông trước ngực, trên có vẽ lá cờ thoát nhìn có dáng vẻ lá cờ VNCH, cũng 3 sọc đỏ, nhưng 3 sọc đỏ được viền bằng màu xanh lục và chạy dọc theo nền cờ hình chữ nhật không phải màu vàng mà là màu cam sậm. Thấy lá cờ trên ngực ông lần đầu tiên, tôi đâm ra khó chịu, một phần vì mình đã quen thuộc với màu sắc và hình ảnh lá cờ của mình, nay thấy những cái khác thường này tôi chỉnh ông ngay:

“Ông có muốn mang cờ của chúng tôi thì tôi xin biếu ông 1 cái, chứ đừng mang lá cờ làm lẩn lòi thôi như vậy.”

Thoạt nghe chắc ông không hiểu tôi muốn nói gì; sau một phút, ông nghiệm ra :

“Cảm ơn ông đã chú ý. Nhưng đây là cờ của tổ chức Vietnam Veterans Association. Tôi là thành viên mà.”

Tôi chữa thẹn:

“Ồ, vậy thì xin lỗi nghe. Tôi cứ tưởng ông mang quốc kỳ của tôi.”

“Lúc tôi mới vào nghề đứng đường này, tôi có mang trước ngực lá cờ VN nền vàng 3 sọc đỏ hẳn hoi. Sau có mấy người VN không bằng lòng, họ nói làm vậy không được. Tôi nghĩ cũng đúng thôi: lá cờ linh thiêng của cả một đất nước, một dân tộc mà nằm trên bộ áo hôi thúi của kẻ ăn xin này thì vô cùng phạm thượng. Nên tôi thay bằng cờ hiệu của hội chúng tôi, hội của những cựu chiến binh Mỹ trong chiến tranh VN”.

“À thì ra ông có tham chiến ở Việt Nam. Tại sao ông muốn mang lá cờ của chúng tôi?”

“Bàn tay trái của tôi đã để lại quê hương ông đó. Cho đến giờ này, tôi không thấy một chút tiếc nuối nào, trái lại tôi còn có nhiều lý do khác để thấy yêu mến đất nước ông hơn”.

Ông Mỹ già này mà có tình cảm với đất nước tôi? Hôm ấy tôi không có thì giờ để nói chuyện thêm với ông, nhưng tôi biết qua câu nói của ông, ông đã gọi tánh tò mò của tôi, nên chắc chắn tôi sẽ có thêm nhiều lần chuyện trò với ông hơn nữa. Quả thật như vậy, sau đó chúng tôi có biết bao nhiêu câu chuyện trao đổi trong suốt hơn mười năm. Nói là mười năm là nói cho gọn, chứ thật sự trong khoảng

thời gian đó có khi tôi vắng ông đôi ngày hay cả tháng. Có nhiều lý do để ông vắng mặt nơi khu thương mại này. Chẳng hạn như thay đổi địa bàn làm ăn: ông buồn chân ngựa cẳng đi đến ngã ba, ngã tư nào quanh đó rồi lười biếng đi về chỗ cũ. Thật ra thì đối với kẻ không nhà thì đâu chả là nhà! Hay có khi gom đủ ít tiền hoặc có người tốt bụng cho quá giang, ông đến tiểu bang khác tìm người tình cũ. Đến đây thì câu chuyện của ông lính già này có chiều hướng rắc rối rồi đây vì nó đụng chạm đến chuyện tình, lại là chuyện tình cũ. Người lính già vô gia cư, bữa no bữa đói, sớm say chiều xỉn mà đèo bồng chuyện mười năm tình cũ thì đáng cho tôi tìm hiểu và viết về ông lắm chứ, phải không?

Thú thật cho tới giờ này tôi cũng không biết đích xác ông tên gì. Từ những ngày đầu, ông bảo tôi gọi ông là Triệu Lý, cái tên trăm phần trăm Việt Nam. Sợ tôi nghe nhầm, ông còn viết hẳn ra giấy cái tên Việt Nam này, có dấu nặng, dấu ê hần hoi. Ông cũng phát âm tên này rất là Việt Nam, đúng hơn là rất Huế, đúng giọng người Huế. Những tiếng Việt mà ông biết ông cũng nói giọng Huế chính cống. Điều này thì không lạ vì ông có quá nhiều ràng buộc với Huế. Ông nói ông đến Huế khoảng giữa năm 1966, làm tài xế trong toán Dân sự vụ. Lúc đó ông đã ba mươi tuổi. Toán của ông đi qua nhiều làng mạc ở Huế; trạm cuối cùng hồi đầu năm 1968 là làng Triệu Lý. Ông nói định mệnh của ông đã được đặt để ở đó khi điều may và điều không may đến với ông cùng lúc. Nếu không có trận Mậu Thân 68 thì ông không gặp được người yêu của ông ở làng Triệu Lý. Ông nhớ như in buổi sáng mừng một, toán Dân sự vụ gồm hơn hai mươi người của ông bị đánh tan tác, mạnh ai nấy chạy. Lúc ông sắp kiệt sức trong một khu vườn rậm vì nhiều ngày đói khát thì ông được một người dân trong làng đưa vào nhà cấp cứu. Đó là nhà của HL. HL cùng ba mẹ cô đã cất giấu ông trong hầm phía sau nhà và đã tận tình săn sóc ông. Hai ông bà quê mùa chất phác mà có tình thương người vô cùng to lớn, không sợ hiểm nguy. HL là một cô gái phi thường, đã nhiều lần can đảm, khi thì che chở, lúc thì nói dối để đánh lạc hướng những kẻ đi lùng sục từng lùm cây bụi cỏ tìm những kẻ trốn tránh. Thời gian này Thừa Thiên đã có chủ mới. Nổi kinh hoàng có mặt từng giờ từng phút tại kinh đô Huế. Sự can đảm của HL không hề suy giảm. HL chăm lo cho ông từng miếng ăn thức uống. Hơn một tháng bên nhau, một tình yêu đã nảy nở, và một đêm trong hầm tối người chiến binh Mỹ và cô thôn nữ làng Triệu Lý đã thệ nguyện thành vợ chồng. Ông nói ông không bao giờ quên được những giọt nước mắt của HL rơi trên vai ông sau đó. Ông biết đó là những giọt nước mắt tuyệt vọng, đau khổ và âu lo. Những giọt lệ của người con gái lần đầu thất tiết và lần đầu đối diện với bức tường thành lễ giáo, nhất là nền lễ giáo ở đất thần kinh. HL nói ba mẹ nàng sẽ không bao giờ tha thứ cho hành động của nàng. Tình yêu này trước mắt xã hội ở đây là tội lỗi, là điểm nhục gia phong. Nàng nói nàng rất thương yêu ông, nhưng với mối tình không được ai chấp nhận này nàng muốn lấy cái chết để tránh phiền lụy cho mọi người. Ông còn nhớ ông đã khuyên lơn nàng rất nhiều, đã hứa hẹn bao nhiêu điều với HL. Trong bóng đêm, HL cứ tựa vai ông mà khóc. “Nước sông Hương lúc đó chắc bỗng chốc dâng cao”. Tôi vừa ngạc nhiên vừa trách ông sao giờ này mà vẫn khô hải nhưng nhìn ánh mắt cố nén dòng lệ của người đàn ông đang đau khổ tôi càng thương ông thêm.

Cơn binh biến rồi cũng đi qua. Ông trở về đơn vị cũ và phải theo đoàn đi ngay ra Quảng Trị. Trận phục kích giữa đường đã làm ông mất một cánh tay. Ngay sau khi rời bệnh viện ở Hawaii, ông bay ra Huế thì HL đã bỏ nhà đi đâu mất. Ba má nàng nói họ không chấp nhận đưa con xấu xa như vậy. Sống chết ra sao họ không biết. Ông Triệu Lý đã dò tìm khắp nơi, cuối cùng thì ông phải về nước. Từ xa xôi, ông vẫn không ngừng tìm kiếm. Trở lại Huế nhiều lần. Căn nhà cũ vẫn còn đó nhưng người ở thì không. Sau biến cố 75, với nhiều đợt người Việt Nam đến Mỹ, ông nuôi nhiều hy vọng. Ông bỏ cả công ăn việc làm, tích cực đi đến các trại tị nạn, rồi đến các nơi có nhiều người Việt cư ngụ. Đăng báo và dán các mẫu giấy tìm người nơi các siêu thị Á đông. Càng lang thang, đời sống của ông càng thêm cùng cực. Tuổi đời càng cao. No, đói bất thường. Buồn vui bất chợt. Lắm khi buồn nhớ người yêu, ông mượn rượu để tiêu sầu. Nhiều lúc thoáng thấy người đàn bà Việt Nam đi qua, ông vội vàng chạy theo chặn trước mặt, thấy không phải, ông khóc rống lên như người điên. Gặp ai ông cũng hỏi han về làng Triệu Lý, về người yêu của ông; người ta không biết, ông tỏ vẻ vô cùng buồn khổ. Người ta càng tránh thì ông càng đói. Càng thấy ít người đàn bà Việt Nam đi vào khu thương mại ông càng buồn, càng chán nản. Ông trông đầu này, ngóng đầu nọ. Người yêu vẫn bật hơi tăm cá mà ông thì vẫn cứ lang thang kiếm tìm.

Hơn ba mươi năm đi tìm người yêu dấu, há chẳng phải là chung tình lắm sao ?!  
Tôi biết với tinh thần và sức khỏe càng ngày càng sa sút như thế này, không bao lâu nữa ông sẽ quị. Người Mỹ già chung tình tên là Triệu Lý này sẽ mang hình ảnh thương yêu của một người con gái Việt Nam về nơi chín suối, chắc chắn là như vậy. Tội cho cô gái thì ít mà tội cho chàng homeless chung tình của tôi thì nhiều. Chỉ biết mong ước cuối cùng là hai người sẽ gặp nhau ở nơi nào đó, dù địa ngục hay thiên đàng.

*Trần Bang Thạch*